

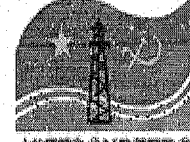
KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+PVD8	7:25	19+0	0+0		18+3	0+0	
2		PPD+SAVR	7:25	21+1	0+0		15+7	0+0	
3		T.UNG	7:25	15+1	0+0		16+0	0+0	
4		P8+AMD+HSD	9:25	3+14+4	0+0+0		4+11+7	0+0+0	
5		RC4+RP1+RP2+AMD	9:25	0+10+0+10	0+0+0+0		0+0+4+18	0+0+0+0	chuyen 1 Rc4-rp1
6		CTK3+P9+P3	12:00	11+3+7	0+0+0		1+4+3	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:SAVR - PVD8	CREW: DUONG - SON - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1229	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ HOÀI NAM	SAVR	25	1	7			65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH ĐỨC	SAVR	21-22	2	12			57	DMC-MI	Vietnamese
3	LÊ HAI	SAVR	32	1	12			84	PVD LOGGI	Vietnamese
4	TRINH CÔNG QUYNH	SAVR	28-29	2	12			63	PVD LOGGI	Vietnamese
5	TRAN THANH TAM	SAVR	33	1	11			56	BAKER HUC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUYẾT QUYNH	SAVR	34	1	13			70	BAKER HUC	Vietnamese
7	ALMAEV RAMIL	SAVR	14	1	11			90	AMHIP	Russian
8	KOMISARENKO ALEKSANDR	SAVR	11	1	17			113	AMHIP	Russian
9	MOZHEGOROV PETR	SAVR	26-27	2	17			67	AMHIP	Russian
10	POMAZANSKII IVAN	SAVR	15-16	2	20			75	AMHIP	Russian
11	TANGIEV DAUD	SAVR	35	1	16			88	AMHIP	Russian
12	KOLTSOV ALEKSANDR	SAVR	30-31	2	7			90	AMHIP	Russian
13	MAKAGONOV DMITRII	SAVR	12	1	9			100	AMHIP	Russian
14	OBUSHENKOV DMITRII	SAVR	36	1	8			84	AMHIP	Russian
15	DOROKHOV DMITRII	SAVR	10	1	18			78	AMHIP	Russian
16	VOZHENKO GEORGII	SAVR	17-18	2	13			89	AMHIP	Russian
17	SHARSHUN ALEKSANDR	SAVR	13	1	4			85	AMHIP	Russian
18	TRETIKOV NIKITA	SAVR	19-20	2	15			70	AMHIP	Russian
19	GUZ MAKSIM	SAVR	23-24	2	10			82	AMHIP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	19	1.506	27	232	0	0	19		/
2	PVD8	0	0	0	0	1	8	3		
TOTAL		19	1.506	27	232	1	8	22		
WEIGHT KG			1.506		232		8			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DUƠNG
PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PPD - SAVR	CREW: VIỆT - HTRUNG - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1232	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ XUÂN SƠN	PPD	23	1	8	4	50	77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN THĂNG	PPD	24	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	PPD	36	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN NINH	PPD	31-32	2	15			70	YTE	Vietnamese
5	TRẦN VĂN VINH	PPD	22	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ SỸ KHOA	PPD						74	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN THUAN	PPD	20	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	17	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG KIẾN	PPD	35	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ QUANG HUY	PPD	33	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	39	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HIỀN	PPD	27	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC VIỆT	PPD	34	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO XUÂN TU	PPD	25-26	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	28	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH TUẤN	PPD	29-30	2	14			61	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO AN TUẤN	PPD	40	1	10	1	21	50	XAYLAP	Vietnamese
18	LÀ TUẤN LINH	PPD	37	1	10			66	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH DŨNG	PPD	38	1	12			77	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN LONG	PPD	18-19	2	7			55	T-TIN	Vietnamese
21	TRẦN TỰ THIÊN	PPD	21	1	10			90	PSV	Vietnamese
22	MOLCHANOV ANTON	SAVR	90-91	2	14			91	AMHFP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	21	1.424	24	150	5	71	15		
2	SAVR	1	91	2	14	0	0	7		
TOTAL		22	1.515	26	164	5	71	22		
WEIGHT KG			1.515		164		71			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:T.UNG	CREW: LTUẤN - VƯƠNG	ETA: 10:45
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1226	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN NGÔ HOÀN	T.UNG	99-500	2	8			64	YTE	Vietnamese
2	ZELENSKY A.N	T.UNG	05	1	6			91	KH-THAC	Russian
3	PHAN VIỆT TÙNG	T.UNG				4	80	75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	T.UNG	96-97	2	14			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	04	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ HIẾN THANH	T.UNG	95	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN THỊ	T.UNG	11-12	2	6			69	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ HÙNG DŨNG	T.UNG	08	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HAI	T.UNG	06	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	07	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC HIỆU	T.UNG	98	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU ĐỨC NGUU	T.UNG	09,10	2	7			67	GETRACO	Vietnamese
13	GIANG THANH PHƯƠNG-PVD	T.UNG	91	1	8			65	CODIEN	Vietnamese
14	VŨ CHI CƯỜNG-PVD	T.UNG	90	1	6			72	CODIEN	Vietnamese
15	PHAN VĂN THANH-PVD	T.UNG	92	1	7			62	CODIEN	Vietnamese
16	ĐOÀN ĐẮC TUYÊN	T.UNG	03	1	4			59	PSV	Vietnamese
17	TRẦN TỰ LONG	T.UNG	93	1	3			67	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	94	1	3			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	18	1.262	21	104	4	80	16		
	TOTAL	18	1.262	21	104	4	80	16		
	WEIGHT KG		1.262		104		80			

GRAND TOAL: 1.446 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN
TRẦN HÙNG VƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P8 - AMD - HSD	CREW: VIỆT - HTRUNG - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/1233		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	P8	29	1	12	2	36	80	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI ĐÌNH THỌ	P8	27-28	2	16			73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HIẾU	P8	25-26	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN DUY LAM	AMD	93	1	12			63	HLJOC	Vietnamese
5	TRUONG XUAN CHI	AMD	96	1	5			71	TLJOC	Vietnamese
6	NGUYỄN NHƯ BAO CHUÔNG	AMD	796-797	2	10			84	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	98	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	95	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THỦY	AMD	295-296	2	12			76	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	90	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG LONG	AMD	91	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	94	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG DINH VINH	AMD	99,400	2	19			66	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI BA HUNG	AMD	97	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MINH THAI	AMD	88-89	2	13			77	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN HUU DANG	AMD	92	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG PHUC PHI	AMD	297	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN BA QUAN	HSD	67-68	2	6			83	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN THANH MAI	HSD	64	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH TUNG	HSD	66	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT THĂNG	HSD	65	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	3	227	5	46	2	36	4		
2	AMD	14	974	18	123	0	0	11		
3	HSD	4	285	5	24	0	0	7		
TOTAL		21	1.486	28	193	2	36	22		
WEIGHT KG			1.486		193		36			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: RC4 - RP1 - RP2 - AMD	CREW: DUONG - SON - NNAM	ETA: 12:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1230	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HA THAI QUOC	RP1	59	1	7			67	XAYLAP	Vietnamese
2	NGO ANH QUOC	RP1	70	1	16			68	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN TUAN ANH	RP1	61	1	13			66	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC SON	RP1	68-69	2	19	1	18	85	XAYLAP	Vietnamese
5	TRUONG TAN LOI	RP1	67	1	14			75	XAYLAP	Vietnamese
6	PHUNG VAN PHUONG	RP1	57	1	9			63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC HUNG	RP1	60	1	9			72	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VAN TUAN	RP1	62-63	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM QUANG TRUONG	RP1	58	1	13			81	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN HONG QUAN	RP1	64-66	3	15			60	XAYLAP	Vietnamese
11	VO TA HOAN	RP2	15-16	2	15			69	XAY LAP	Vietnamese
12	TRAN VAN THUY	AMD	90	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
13	VU VIET THANG	AMD	82-84	3	17			69	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN QUAN	AMD	85	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUC NHA	AMD	91-92	2	10			56	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VAN HUONG	AMD	95	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VAN QUOC	AMD	88-89	2	10			60	PSV	Vietnamese
18	TRAN VAN NHAN	AMD	94	1	15			83	PSV	Vietnamese
19	TRINH THUONG MAI	AMD	86-87	2	9			58	TLJOC	Vietnamese
20	TRINH VAN PHA	AMD	96	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN HIEU THAO	AMD	93	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC4	0	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX+50KG RC4-RP1
2	RP1	10	703	14	135	1	18	0		
3	RP2	1	69	2	15	0	0	0		
4	AMD	10	660	15	91	0	0	18		
TOTAL		21	1.432	31	241	1	18	18		
WEIGHT KG			1.432		241		18			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:30
B.CARD: XANH-3	TO: CTK3 - P9 - P3	CREW: LINH - XTRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 14:20
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1231	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DƯƠNG HOANG SƠN	CTK3	52-53	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGÔ QUANG PHÚC	CTK3	40-41	2	18			70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TOÀN	CTK3	54-55	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG TỊNH	CTK3	49-50	2	20			82	XAYLAP	Vietnamese
5	TÔ NGỌC TOÀN	CTK3	42	1	15			70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	CTK3	45-46	2	14			86	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI VĂN THOẠI	CTK3	47	1	15	1	10	64	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ TRỌNG HÙNG	CTK3	43-44	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN GIANG	CTK3	51	1	14	1	15	81	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐINH HỒNG THẮNG	CTK3						75	SANBAY	Vietnamese
11	NGUYỄN CẢNH TU	P9	99,200	2	16			54	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BẢO	P9	97	1	8			50	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
13	TRẦN VIỆT TUẤN	P9	98	1	8			61	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
14	PHẠM VĂN CAO	P3	78	1	16			60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P3	80	1	12			79	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI VĂN HỘI	P3	76-77	2	13			70	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ HOÀI NAM	P3	75	1	9	2	23	69	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN THU TRANG	P3	79	1	8			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	10	732	15	147	2	25	1		NB VÊ: NGUYỄN MAI SƠN
2	P9	3	165	4	32	0	0	5		
3	P3	5	352	6	58	2	23	3		
TOTAL		18	1.249	25	237	4	48	9		
WEIGHT KG			1.249		237		48			

GRAND TOAL: 1.534 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
HÀ XUÂN TRƯỜNG